TÒA ÁN NHA DA
HUYỆN BẮC BÌNH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **22/**2023/HNGĐ - ST
Ngày: 15/6/2023
V/v:"Ly hôn, nuôi con chung"

NHA DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHA DA HUYỆN BẮC BÌNH, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Thanh Nữ Kiều Oanh

- Các Hội thẩm nhA dA:

1. Ông Bùi Tấn KH1

2. Ông Bá Đình Tâm

- Đại diện Viện kiểm sát nhA dA huyện Bắc Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Khánh Dung - Kiểm sát viên.

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà:** Ông Bá Văn NhA - Cán bộ Tòa án nhA dA huyện Bắc Bình

Ngày 15 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhA dA huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhA và gia đình thụ lý số: 128/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023 về việc: *"Ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Võ Ngọc A, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận

Có mặt nguyên đơn; Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện quá trình điều tra thu thập chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Võ Ngọc A trình bày:

Ông với bà Nguyễn Thị Thu H1 xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2000 trên

cơ sở tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau.

Hai bên gia đình không tổ chức cưới cho vợ chồng, sau khi cưới vợ chồng sống tại thôn T, xã H.

Năm 2001 vợ chồng ông có đến UBND xã H để đăng ký kết hôn.

Cuộc sống chung vợ chồng sau khi xác lập quan hệ thì hạnh phúc đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung và nợ nần.

Hai bên gia đình có hòa giải cho vợ chồng nhưng không được.

Năm 2018 vợ chồng sống ly thân từ đó không ai quan tâm đến ai và bà H1 thuê nhà ở riêng từ đó. Thời gian ly thân đã lâu nhưng vợ chồng không thể hàn gắn được.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung

- Võ Thị Kim T1 – sinh năm 2000 đã trưởng thành

- Võ Thị Kim N – sinh ngày 05/01/2006 hiện cháu N đang ở với mẹ nguyện vọng của cháu là ở với mẹ nên giao cho mẹ tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục đến khi trưởng thành, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1 trình bày: Bà với ông Võ Ngọc A xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2000 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau.

Hai bên gia đình không tổ chức cưới cho vợ chồng, sau khi cưới vợ chồng sống tại thôn T, xã H.

Năm 2001 vợ chồng ông có đến UBND xã H để đăng ký kết hôn.

Cuộc sống chung vợ chồng sau khi xác lập quan hệ thì hạnh phúc đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống do nợ nần và không tìm được tiếng nói chung.

Hai bên gia đình có hòa giải cho vợ chồng nhưng không được.

Năm 2018 vợ chồng sống ly thân từ đó không ai quan tâm đến ai, bà thuê nhà ở riêng còn ông A thì về nhà cha mẹ ở từ đó vợ chồng không liên lạc hay quan tâm nhau.

Thời gian ly thân không thể hàn gắn vì vợ chồng không còn tình cảm nên bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Võ Ngọc A.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung

- Võ Thị Kim T1 – sinh năm 2000 đã trưởng thành

- Võ Thị Kim N – sinh ngày 05/01/2006 hiện cháu N đang ở với mẹ nguyện vọng của cháu là ở với mẹ nên bà tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục đến khi trưởng thành, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà đã nhận được thông báo thụ lý vụ án do Tòa án tống đạt nhưng chưa có bản khai gửi Tòa án, bà yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình phát biểu ý kiến như sau:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Tại phiên tòa hôm nay, HĐXX đã thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập và chỉ tuân pháp luật đúng theo quy định tại Điều 12 BLTTDS, thành phần HĐXX đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử, không có trường hợp phải từ chối hoặc phải thay đổi người tiến hành tố tụng. Về phần thủ tục bắt đầu phiên tòa cũng như phần thủ tục hỏi, phần tranh luận tại phiên tòa, HĐXX đã tuân theo đúng quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định tại các Điều 237, Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn: Ông Võ Ngọc A đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Về giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 BLTTDS năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

- Về hôn nhân: Cho ông Võ Ngọc A được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu H1

- Về con chung: Võ Thị Kim T1 – sinh năm 2000 đã trưởng thành

Giao con chung tên Võ Thị Kim N – sinh ngày 05/01/2006 cho bà Nguyễn Thị Thu H1 chăm sóc, nuôi dưỡng chăm sóc. Ông A được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bà H1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh trụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Võ Ngọc A được và bà Nguyễn Thị

Thu H1 có hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận nên yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông A thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Võ Ngọc A, HĐXX nhận thấy: Quan hệ hôn nhA giữa ông Võ Ngọc A và bà Nguyễn Thị Thu H1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B theo Giấy chứng nhận kết hôn số 21 ngày 17/4/2001 nên là hôn nhân hợp pháp, ông A có đơn ly hôn nên áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Theo trình bày của các đương sự, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay cho thấy đời sống hôn nhân của ông A và bà H1 từ khi xác lập quan hệ vợ chồng thì hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống do nợ nần và không tìm được tiếng nói chung. Năm 2018 vợ chồng tự chấm dứt quan hệ ông A thì về nhà cha mẹ ở còn bà H1 thuê nhà ở riêng. Từ đó tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt ông A yêu cầu ly hôn thì bà H1 đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông A.

HĐXX xét thấy, theo quy định của pháp luật Hôn nhân gia đình năm 2014, vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau. Cuộc sống hôn nhân giữa ông A và bà H1 trong quá trình sống chung có phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn. Ông A và bà H1 tự chấm dứt quan hệ vợ chồng. Ông A và bà H1 đã không còn có sự thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, vợ chồng đã không còn sống chung với nhau một thời gian dài dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Như vậy mâu thuẫn trong hôn nhân giữa Ông A và bà H1 sự đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Về con chung:

- Võ Thị Kim T1 – sinh năm 2000 đã trưởng thành
- Võ Thị Kim N – sinh ngày 05/01/2006

Bà H1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu NgA từ năm 2018 và bà H1 đảm bảo các điều kiện để các con phát triển. Nên giao cho bà H1 tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục con chung đến khi trưởng thành, bà H1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn ông Võ Ngọc A phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy luật định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đối với vụ án phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về hôn nhA: Ông Võ Ngọc A được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu H1.

Về con chung:

Võ Thị Kim T1 – sinh năm 2000 đã trưởng thành

Giao bà Nguyễn Thị Thu H1 cho trực tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Võ Thị Kim N – sinh ngày 05/01/2006 đến khi trưởng thành. Bà H1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Ông Võ Ngọc A phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí dA sự sơ thẩm, ông A đã nộp tại biên lai thu số 0002879, ngày 14/4/2023 của Chi cục Thi hành án dA sự huyện Bắc Bình, ông Võ Ngọc A đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND (Tỉnh, Huyện);
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Hồng Thái;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thanh Nữ Kiều Oanh